

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 29/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu
Thẩm phán: Bà Phạm Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Phạm Thị Thà
Bà Ngô Thị Thơm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thay đổi thời gian xét xử đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Văn T, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: Khu E, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T1 và bà Vũ Thị T2; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn (nay là thị xã K) xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giam từ ngày 29/02/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Nghiêm Công C - Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; Số C N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- **Bị hại:**

+ Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ C, khu Đ, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

+ Anh Trần Văn T3, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ C, Khu E, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho anh Phạm Quốc V tham gia tố tụng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu F, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Ông Trương Văn T4, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu G, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Trần Thanh B, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1989; địa chỉ: KDC D, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

+ Anh Phạm Công T5, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A, KDC M, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1994; có mặt

Chị Thạch Thị Thanh H1, sinh năm 1982; vắng mặt

Anh Trương Văn T8, sinh năm 1995; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2023, Trương Văn T làm công nhân lái máy xúc cho Công ty cổ phần Đ1 (Công ty Đ1), địa chỉ trụ sở: Lô G A, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. T nói với bạn là anh Trần Văn T3 về việc T làm ở phòng kinh doanh của Công ty Đ1 có nguồn cung cấp than xít (chất thải được sinh ra trong quá trình khai thác than ở các hầm lò) với giá thấp hơn giá thị trường để bán lại cho các chủ lò gạch. Thời điểm này anh T3 và bạn là anh Phạm Quốc V góp vốn kinh doanh than xít nên thỏa thuận với T mua 5.300 m³ than xít. T đồng ý và gọi điện thoại, nhắn tin thông qua ứng dụng Z với anh T3 báo giá là 30.500 đồng/01 m³, thành tiền là 2.450.000.000 đồng. Khoảng 07 giờ sáng ngày 10/6/2023, anh T3, anh V và T gặp nhau tại phường M, thị xã K thống nhất việc mua bán than xít, anh T3 yêu cầu T khi xuất hàng phải có hóa đơn hoặc phiếu thu tiền để vận chuyển. Do T thường xuyên giao hàng cho Công ty Đ1 nên đã đóng dấu đỏ của Công ty Đ1 trên các tờ giấy trắng chưa ghi nội dung để thuận tiện khi lập biên bản giao hàng, T bảo anh T3 ngồi đợi rồi cầm 01 tờ giấy có đóng dấu treo của Công ty Đ1 chưa ghi nội dung đến quán photocopy ở huyện K (không xác định được địa chỉ) thuê soạn thảo, in 02 tờ phiếu thu tiền đề ngày 10/6/2023 trong đó 01 phiếu thu in vào tờ giấy có đóng dấu treo của Công ty Đ1 nội dung “Phạm Quốc V nộp 2.450.000.000 đồng”, có chữ ký đứng tên Trương Văn T tại mục đại diện phòng kinh doanh, Nguyễn Thị

T7 tại mục kế toán trưởng (T tự ký vào các mục này, chỉ T7 vợ T là kế toán của Công ty Đ1), T sử dụng điện thoại chụp ảnh 02 tờ phiếu thu rồi xé bỏ 02 phiếu thu. Đến khoảng 10 giờ ngày 10/6/2023, T đến quán nước gần Trạm thu phí cầu Đ, phường M, thị xã K gặp anh T3 và anh V, anh Vĩnh ứng tiền trước chuyển cho T bằng cách dùng ứng dụng chuyển tiền trên điện thoại di động chuyển 2.450.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng V1 của anh V đến tài khoản ngân hàng M số 0660110986009 của T, T dùng ứng dụng Zalo trên điện thoại di động gửi cho anh T3 hình ảnh chụp phiếu thu tiền không có dấu treo của Công ty Đ1. Do anh V yêu cầu T cung cấp phiếu thu có đóng dấu treo của Công ty nên ngày 12/6/2023, T gửi ảnh chụp phiếu thu tiền được đóng dấu treo của Công ty Đ1 cho anh T3. Sau khi nhận số tiền trên của anh V, anh T3, T không sử dụng vào việc mua than xít như đã cam kết, từ ngày 10/6/2023 đến ngày 23/6/2023, T sử dụng 04 tài khoản ngân hàng M số 066011098600, S số 020082818929, M số 9690115051991 và V2 số 108869635948 của T sử dụng số tiền của anh V, anh T3 chuyển khoản trả nợ cho 06 cá nhân với tổng số tiền 330.328.000 đồng; chuyển khoản 871.620.000 cho 05 người để đổi tiền mặt chi tiêu cá nhân (không xác định được chi tiêu vào việc gì); trả tiền taxi, mua quần áo, cho vay, nhờ người mua đồ ăn...cho 07 cá nhân với tổng số tiền 33.670.000 đồng; chuyển khoản 100 triệu đồng cho 01 cá nhân để mua “Chip” cho 01 người đàn ông nước ngoài không quen biết để người này vào Casino H đánh bạc; số tiền còn lại 1.114.382.000 đồng T khai nộp vào 06 tài khoản tham gia đánh bạc trên mạng Internet tại các website “vnloto.com”, “Bacarat”. Do đã sử dụng hết số tiền của anh T3, anh V nên T đưa ra nhiều lý do trì hoãn việc giao hàng cho anh V, anh T3 như trời mưa khó vận chuyển hàng hóa, đang làm thủ tục chưa xuất được.

Để có tiền tiếp tục đánh bạc trên mạng và chi tiêu cá nhân, ngày 23/6/2023 T nói dối anh T3 có 700m³ than xít giá rẻ là 681.900.000 đồng, anh T3 rủ anh V góp tiền mua tiếp than xít của T và bảo anh Vĩnh ứng tiền trước, anh V đồng ý chuyển khoản 681.900.000 đồng đến tài khoản của T. T chuyển khoản cho 04 cá nhân 66.570.000 đồng trả tiền thuê xe ô tô, cho vay, đổi tiền mặt để chi tiêu; số tiền còn lại 615.330.000 đồng T khai nộp vào 03 tài khoản ngân hàng (trong số 06 tài khoản trên) đánh bạc tại các website “vnloto.com”, “Bacarat”.

Khi anh V, anh T3 yêu cầu T chuyển than xít, T đã sử dụng các ảnh chụp thông báo xuất than, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử của Công ty X mở, Tổng công ty T9 mà T còn lưu trữ trên điện thoại khi đi giao nhận hàng cho Công ty Đ1 gửi cho anh V, anh T3 thông qua ứng dụng Zalo để anh V, anh T3 yên tâm. Ngày 01/7/2023, T bị Công ty Đ1 chấm dứt hợp đồng lao động do vi phạm quy định của Công ty và vắng mặt khỏi địa phương. Đến ngày 03/7/2023, anh T3 gọi điện đòi tiền và ghi âm lại cuộc nói chuyện, T chuyển khoản 50.000.000 đồng đến tài khoản của anh V, sau đó bán điện thoại, bỏ sim đang sử dụng và đi khỏi địa phương. Ngày 06/7/2023, anh V làm đơn tố cáo T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H.

Tại Kết luận giám định số 4258/KL-KTHS ngày 11/9/2023, V3 Bộ C1, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung hội thoại trong các tập tin âm thanh và video gửi giám định; tiếng nói của người đàn ông xưng “em”

trong các tập tin âm thanh gửi giám định là của Trương Văn T; tiếng nói của người đàn ông xưng “tao, anh” trong các tập tin âm thanh, video là của Trần Văn T3.

Về trách nhiệm dân sự: Anh V, anh T3 yêu cầu T phải trả lại số tiền 3.081.900.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trương Văn T tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo từ 14 năm đến 15 năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 3.081.900.000 đồng; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi như trên và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa: Đồng ý về tội danh, điều luật, các giảm nhẹ mà Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại xác định hành vi bị cáo thực hiện như cáo trạng nêu, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Anh V xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là tiền góp chung của anh V và anh T3 (mỗi người một nửa); bị cáo đã trả cho bị hại 50.000.000 đồng; yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà bị cáo trả nợ phải hoàn trả lại cho bị hại số tiền đã nhận của bị cáo và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt.

Người làm chứng là chị T7 xác định chị là vợ bị cáo T. Quá trình điều tra có được cơ quan điều tra cho xem hình ảnh phiếu thu tiền bị cáo chụp gửi cho anh T3, chữ ký của kế toán trong phiếu thu không phải là chữ ký của chị. Chị T7 hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến hành vi bị cáo thực hiện. Chị T7 là kế toán của Công ty Đ1, xác định công ty chưa bao giờ nhận tiền bán than xít cho anh T3 và anh V.

Người làm chứng là anh T8 xác định là em trai bị cáo T; một lần bị cáo T nhờ chuyển một túi nilon màu đen cho anh T3 nhưng hoàn toàn không biết túi nilon đó bên trong có gì và không biết việc làm liên quan giữa bị cáo và anh T3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 10/6/2023 đến ngày 24/6/2023, tại thị xã K, tỉnh Hải Dương, Trương Văn T đã 02 lần đưa ra thông tin gian dối với anh Phạm Quốc V và anh Trần Văn T3 về việc có 6.000m³ than xít bán với giá thấp hơn giá thị trường. Anh V, T3 tin tưởng chuyển cho T 3.131.900.000 đồng, bị T chiếm đoạt sử dụng cá nhân. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân không có than xít nhưng vẫn đưa ra thông tin sai sự thật về việc có nguồn hàng để bán, làm bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại, mỗi lần đều cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Phạm tội từ 02 lần trở lên. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường 50.000.000 đồng cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo đã từng bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản tuy đã được xóa án tích nhưng xác định bị cáo có nhân thân không tốt.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của bị hại tổng số tiền 3.131.900.000 đồng, đã trả 50.000.000 đồng còn 3.081.900.000 đồng. Trong đó, bị cáo đã chuyển tổng số 330.500.000 đồng cho những người có quyền lợi liên quan để trả nợ. Theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Dân sự, trường hợp này chủ sở hữu tài sản có quyền đòi lại số tiền trên từ những người mà bị cáo trả nợ. Căn cứ Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được bị cáo trả nợ phải có trách nhiệm trả lại cho bị hại số tiền mà bị cáo chiếm đoạt. Quan hệ vay nợ giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do các bên tự thỏa thuận giải quyết, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Số tiền còn lại 2.751.400.000 đồng cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và phải bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Vấn đề khác:

Đối với hành vi của T khai sử dụng 1.729.712.000 đồng chuyển vào 06 tài khoản ngân hàng đánh bạc trên mạng internet tại các website “vnloto.com”, “Bacarat”. Cơ quan điều tra đã áp dụng đầy đủ biện pháp điều tra, nhưng không xác định được ai là người sử dụng 06 tài khoản ngân hàng trên nên không có căn cứ để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với hành vi tạo ra phiếu thu tiền ghi nội dung không có thật dựa trên tờ giấy có hình dấu của Công ty Đ1 của T, quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc phiếu thu tiền nên không có căn cứ xử lý T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Văn T 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/02/2024

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn T3 và anh Phạm Quốc V 2.751.400.000đồng

4.2. Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả lại anh Trần Văn T3 và anh Phạm Quốc V số tiền đã nhận từ bị cáo, cụ thể:

- Anh Vũ Văn Đ phải hoàn trả 3.000.000đồng;
- Ông Trương Văn T4 phải hoàn trả 5.000.000đồng;
- Anh Trần Thanh B phải hoàn trả 5.000.000đồng;
- Anh Nguyễn Duy H phải hoàn trả 10.500.000đồng;
- Anh Nguyễn Văn Q phải hoàn trả 5.000.000đồng;
- Anh Phạm Công T5 phải hoàn trả 2.000.000đồng;
- Ông Nguyễn Văn T6 phải hoàn trả 300.000.000đồng.

4.3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm và 87.028.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TANDTC;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLVNQLQ;
- Lưu: HS, THS, VP, P. KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu